



Thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Đậu Minh Long¹, Hồ Thị Mỹ Lý²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Trường Mầm non tư thục Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 16/8/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 22/9/2023

Ngày nhận đăng: 25/9/2023

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Hoạt động nuôi dưỡng;

Chăm sóc;

Quản lý;

Trường mầm non.

TÓM TẮT

Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ trong trường mầm non đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần cho trẻ ở lứa tuổi mầm non. Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng là khảo sát bằng bảng hỏi với tổng số 171 người tham gia, bao gồm 14 cán bộ quản lý, 133 giáo viên và 24 nhân viên tại 05 trường mầm non trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng giúp các nhà quản lý đánh giá lại hoạt động quản lý của mình và đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại các trường mầm non.

1. MỞ ĐẦU

Giáo dục mầm non (MN) là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, có vai trò đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, tình cảm xã hội và thẩm mỹ cho trẻ em (Quốc hội, 2019). Những kỹ năng trẻ tiếp thu thông qua chương trình chăm sóc, giáo dục MN là nền tảng cho quá trình học tập và thành công sau này. Những năm đầu đời được xem là giai đoạn quan trọng trong việc hình thành nhân cách và phát triển năng lực của trẻ. Mặc dù trẻ có khả năng tiếp thu học tập bẩm sinh, não bộ đã được lập trình để tiếp nhận các thông tin cảm quan, từ đó hình thành hiểu biết và kỹ năng giao tiếp với thế giới xung quanh, nhưng thiên hướng học tập này dễ bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như tình trạng thể chất, trình độ nhận thức và môi trường xã hội, tình cảm.

Việc được chăm sóc và nuôi dưỡng đúng cách từ giai đoạn thơ ấu góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển sau này. Chính vì vậy, giáo dục MN giữ vai trò đặc biệt quan trọng, được coi là “giai đoạn vàng” trong tiến trình giáo dục và phát triển toàn diện của trẻ. Để thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện cho trẻ, cần có sự kết hợp hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục, đây là điều kiện cần thiết không thể tách rời (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Trong những năm gần đây, chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại các cơ sở giáo dục MN đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng toàn diện. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, từng bước được chuẩn hóa, hiện đại hóa, cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ trong giai đoạn hiện nay. Thực đơn được xây dựng theo mùa, cập nhật hàng tuần và thường xuyên đổi mới hình thức tổ chức bữa ăn như mô hình bữa ăn gia đình, tiệc buffet,... góp phần nâng cao khẩu vị và trải nghiệm của trẻ. Đồng thời, công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cũng được chú trọng, cải tiến bằng nhiều phương pháp, trong đó có việc ứng dụng phần mềm dinh dưỡng để đảm bảo nhu cầu và chất lượng bữa ăn của trẻ.

Có thể thấy, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước và các cấp quản lý quan tâm. Tuy nhiên, tại thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ ở các cơ sở giáo dục MN vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Trong số những

Tác giả liên hệ: Đậu Minh Long;

Địa chỉ e-mail: dauminhlonghue@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.199.2025>

nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động này, công tác quản lý được xác định là một yếu tố then chốt.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, bài báo tập trung trình bày kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại các trường MN trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này trong thời gian tới.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Khách thể nghiên cứu*: Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến trên 5 trường MN tại thành phố Hà Tĩnh với tổng số 171 người: Cán bộ quản lý (CBQL): 14 người; Giáo viên (GV): 133 người; Nhân viên (NV): 24 người.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Chúng tôi sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát thực trạng quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại các trường MN trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Gồm các bộ phiếu điều tra dành cho NV, GV và CBQL các trường. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 4 bậc, tương ứng với 4 mức độ từ 1 đến 4. Dữ liệu thu thập được xử lý theo tỉ lệ % và điểm trung bình (ĐTB) bằng phần mềm SPSS 22.0. Quy ước điểm ĐTB của mỗi nội dung tương ứng các mức sau: 1,0-1,75: Không hiệu quả; 1,76-2,5: Tương đối hiệu quả; 2,6-3,25: Hiệu quả; 3,26-4,0: Rất hiệu quả.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Các khái niệm cơ bản

3.1.1. Khái niệm nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non

Nuôi dưỡng (ND) là sự nuôi nấng và chăm sóc để tồn tại sức khỏe và phát triển. Vấn đề quan trọng của nuôi dưỡng là thỏa mãn nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể đang phát triển.

Chăm sóc (CS) là những hành động cần thiết phải làm để thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của người được chăm sóc theo cách mà họ mong muốn.

Trong mỗi thời kỳ phát triển của cơ thể có những đặc điểm tâm sinh lý riêng đòi hỏi nhu cầu về nuôi dưỡng ở mỗi thời kỳ khác nhau. Nuôi dưỡng đảm bảo nhu cầu các chất dinh dưỡng ở mỗi thời kỳ giúp cho cơ thể phát triển khỏe mạnh và toàn diện. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng chính là những công việc cần thiết phải làm nhằm thỏa mãn nhu cầu và sự mong đợi của người được chăm sóc về mọi mặt, trong đó chú trọng đến chế độ dinh dưỡng và môi trường sống lành mạnh đảm bảo phát triển tốt cả về sức khỏe, trí tuệ,... Dinh dưỡng hợp lý là chế độ ăn đủ về số lượng và cân đối về chất lượng các chất dinh dưỡng. Đủ về số lượng theo nhu cầu dinh dưỡng của từng độ tuổi, theo giới tính và tính chất lao động. Cân đối về chất lượng là cân đối giữa các chất dinh dưỡng protein, glucit, lipid, vitamin, chất khoáng, giữa thức ăn có nguồn gốc động vật và thực vật (Viện Dinh dưỡng, 2019).

Hoạt động ND, CS trẻ là những tác động của GV tới trẻ MN, bao gồm việc chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn nhằm giúp trẻ em lứa tuổi này phát triển toàn diện theo yêu cầu xã hội và đạt được mục tiêu ND, CS giáo dục ở bậc học MN (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

3.1.2. Khái niệm quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch hợp quy luật của chủ thể quản lý nhằm làm cho hệ vận hành theo đường lối và nguyên lý GD của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học, GD thế hệ trẻ, đưa hệ thống GD đến mục tiêu dự kiến.

Quản lý giáo dục là loại quản lý nhà nước, thực chất là quản lý con người. Do đặc thù riêng của ngành GD, quản lý con người còn có nghĩa là đào tạo, BD, chăm sóc con người tạo điều kiện cho họ thực hiện vai trò xã hội, những chức năng, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, phát triển nghề nghiệp của họ để họ làm tròn trách nhiệm xã hội vì sự phát triển xã hội và phát triển bản thân Trần Kiểm (2020) cho rằng: QLGD là tác động của hệ thống có kế hoạch có ý thức và hướng đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau nhằm mục đích đảm bảo sự hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở nhận thức và vận dụng những quy luật chung của xã hội cũng như các quy luật của GD, của sự phát triển tâm lý và thể lực của trẻ em.

Theo Phạm Minh Hạc (1986) quản lý nhà trường (QLGD nói chung) là thực hiện đường lối GD của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý GD để tiến tới mục tiêu GD, mục tiêu đào tạo đối với thế hệ trẻ và với từng học sinh.

Tóm lại, QLGD là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý nhằm làm cho hệ thống được quản lý vận hành theo đường lối giáo dục và nguyên lý của Đảng, thực hiện được các tính chất nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà tiêu điểm hội tụ quá trình dạy học - giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ giáo dục tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất.

3.1.3. Khái niệm quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở trường mầm non

Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ ở trường MN là những tác động có mục đích của Hiệu trưởng trường MN tới hoạt động ND, CS trẻ nhằm nâng cao chất lượng ND, CS trẻ, thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện trẻ MN, giúp trẻ chuẩn bị tốt về thể lực sức khỏe để đến trường tiểu học. Đồng thời đảm bảo an toàn cho trẻ, tạo sự tin tưởng của xã hội, cha mẹ học sinh về nhà trường MN, giúp Hiệu trưởng huy động được các nguồn lực thực hiện ND, CS trẻ tốt nhất.

Ở điều 5, tiêu chuẩn 2.1 của tiêu chuẩn hiệu trưởng trường MN theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018. Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường nêu rõ “*Hiệu trưởng quản trị các hoạt động trong nhà trường đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển toàn diện trẻ em, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu của trẻ em trong nhà trường. Tổ chức xây dựng kế hoạch và giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp thực tiễn; chỉ đạo tổ chuyên môn, GV và NV xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo quy định*” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

3.2.1. Xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV, NV về thực trạng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng trẻ mầm non thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện				ĐTB
		Không hiệu quả	Tương đối hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả	
1	Xây dựng chi tiết hàng năm, hàng tháng đối với hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc trẻ	0	1,2	50,3	48,5	3,47
2	Thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch NDCS trẻ cho phù hợp với thực tế	0	1,8	49,7	48,5	3,47
3	Xây dựng kế hoạch chăm sóc riêng cho trẻ suy dinh dưỡng - thừa cân - béo phì	0	2,3	50,9	46,8	3,44
4	Xây dựng kế hoạch chương trình hành động cụ thể theo thời gian	0	2,3	49,7	48	3,46
5	Xây dựng kế hoạch Phòng chống các bệnh dịch xảy ra trong trường	0	1,8	48,5	49,7	3,48

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình.

Kết quả khảo sát tại bảng 1 về thực trạng xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại các trường MN trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh cho thấy các nội dung được CBQL, GV, NV đánh giá ở mức cao, chủ yếu tập trung tại hai mức “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả” với tỷ lệ dao động từ 46,8% đến 51,5%. Không có ý kiến đánh giá ở mức “Không hiệu quả”, và tỷ lệ đánh giá ở mức “Tương đối hiệu quả” chiếm rất thấp (1,2% – 2,3%). Nhìn chung, các thông số phản ánh sự đồng đều, ổn định giữa các tiêu chí, với điểm trung bình dao động trong khoảng từ 3,44 đến 3,48.

Các trường MN đã cơ bản thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, bảo đảm các bước và nội dung theo quy định. Kế hoạch được xác định rõ mục tiêu, nội dung và biện pháp thực hiện, phản ánh được mục tiêu chung về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ trong toàn trường. Hiệu trưởng các trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế; xây dựng các kế hoạch cụ thể như: chăm sóc riêng cho trẻ suy dinh dưỡng - thừa cân - béo phì; chương trình hành động theo thời gian; phòng chống dịch bệnh trong nhà trường.

Trong đó, nội dung “Xây dựng kế hoạch phòng chống các bệnh dịch xảy ra trong trường” được đánh giá cao nhất với điểm trung bình là 3,48; trong khi đó, nội dung “Xây dựng kế hoạch chăm sóc riêng cho trẻ suy dinh dưỡng - thừa cân - béo phì” được đánh giá thấp nhất (ĐTB = 3,44). Điều này cho thấy việc xây dựng kế hoạch chăm sóc riêng cho nhóm trẻ đặc thù chưa thực sự được chú trọng. Một số hiệu trưởng chưa thực hiện khảo sát đầy đủ đầu vào để làm cơ sở xây dựng kế hoạch cụ thể; kế hoạch xây dựng còn mang tính hình thức, chưa phân công rõ trách nhiệm từng cá nhân trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thực trạng này đặt ra yêu cầu đối với đội ngũ CBQL trong các cơ sở giáo dục MN cần có cái nhìn tổng thể, xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức thực hiện nhằm nâng cao chất lượng công tác xây dựng và triển khai kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong thời gian tới.

3.2.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ trong trường mầm non

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV, NV về thực trạng mức độ hiệu quả của tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ trong trường mầm non

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện				ĐTB
		Không hiệu quả	Tương đối hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả	
1	Phổ biến kế hoạch NDCS trẻ tới GV, NV và lực lượng liên quan	0	0	55,6	44,4	3,44
2	Phân công nhiệm vụ khoa học hợp lý nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu đang xây dựng. Duy trì cơ cấu nhất định về vai trò, nhiệm vụ, vị trí công tác	0	2,5	50,9	45,6	3,42
3	Lựa chọn mục tiêu, yêu cầu, phương pháp phù hợp với đối tượng trẻ trong lớp quản lý	0	1,2	55,6	43,3	3,42
4	Lựa chọn nội dung chăm sóc dinh dưỡng, chăm sóc vệ sinh, chăm sóc sức khỏe an toàn, chăm sóc giấc ngủ phù hợp với đối tượng và lứa tuổi trẻ	0	1,2	55	43,9	3,43
5	Lựa chọn hình thức, phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đảm bảo yêu cầu thực trạng trẻ.	0	2,9	52,6	44,4	3,42

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình

Bảng 2 cho thấy, mức độ hiệu quả trong tổ chức hoạt động ND, CS trẻ tại các trường MN trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh chủ yếu được đánh giá ở mức “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả”, chiếm tỷ lệ cao từ 43,3% đến 55,6%. Tỷ lệ đánh giá ở mức “Tương đối hiệu quả” chiếm tỉ lệ nhỏ (1,2% – 2,9%), và không có ý kiến nào đánh giá ở mức “Không hiệu quả”. Các điểm trung bình phản ánh sự đồng đều giữa các tiêu chí, dao động từ 3,42 đến 3,44.

Kết quả này phản ánh rằng hoạt động tổ chức ND, CS trẻ tại các nhà trường được thực hiện tương đối bài bản và hiệu quả, từ việc phổ biến kế hoạch đến phân công nhiệm vụ và lựa chọn các mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp với thực tế và đối tượng trẻ. Trong đó, nội dung “Phổ biến kế hoạch NDCS trẻ tới GV, NV và lực lượng liên quan” đạt điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,44), cho thấy các nhà trường đặc biệt chú trọng đến công tác phổ biến để tạo sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào hoạt động ND, CS trẻ.

Một số nội dung được đánh giá ở mức ĐTB thấp hơn (3,42) như: “Phân công nhiệm vụ khoa học hợp lý...”, “Lựa chọn mục tiêu, yêu cầu, phương pháp phù hợp...” và “Lựa chọn hình thức, phương pháp NDCS trẻ...”. Điều này cho thấy vẫn còn tồn tại nhất định trong khâu tổ chức, điều hành, đặc biệt là phân công công việc chưa hoàn toàn sát với năng lực thực tế của đội ngũ nhân sự, hoặc thiếu linh hoạt trong việc lựa chọn phương pháp phù hợp với đối tượng trẻ.

Nhìn chung, kết quả khảo sát phản ánh mức độ hiệu quả tương đối cao trong tổ chức hoạt động ND, CS trẻ tại các trường MN. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng hơn nữa, các CBQL cần tiếp tục quan tâm đến việc phân công công việc hợp lý, lựa chọn phương pháp phù hợp với năng lực GV, NV cũng như điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm phát triển của trẻ.

3.2.3. Chỉ đạo thực hiện hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, phần lớn các nội dung chỉ đạo được CBQL, GV, NV đánh giá ở mức “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả”, chiếm tỷ lệ từ 49,7% đến 53,2% và từ 45,6% đến 48%. Tỷ lệ đánh giá ở mức “Tương đối hiệu quả” dao động trong khoảng 0,6% đến 3,5%, không có nội dung nào bị đánh giá ở mức “Không hiệu quả”. Các điểm trung bình khá đồng đều, dao động trong khoảng từ 3,43 đến 3,47.

Nhìn chung, CBQL các trường MN thực hiện rất hiệu quả công tác chỉ đạo thực hiện chế độ sinh hoạt theo từng nhóm, nghiêm túc thực hiện chế độ sinh hoạt đề ra. Nội dung chỉ đạo GV kết hợp với gia đình thống nhất việc thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ được đánh giá ở 3 mức độ: Rất hiệu quả (46,2%), hiệu quả (54,4%), tương đối hiệu quả (0,6%). Chỉ đạo thực hiện chế độ dinh dưỡng theo yêu cầu độ tuổi và tình trạng sức khỏe của trẻ. Chỉ đạo thực hiện tính khẩu phần ăn hàng ngày của trẻ đảm bảo đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết, hợp lý, cân đối. Chỉ đạo xây dựng thực đơn hàng tuần phù hợp với từng mùa và chỉ đạo bộ phận cấp dưỡng thực hiện nghiêm túc thực đơn đều được đánh giá ở 3 mức độ: Rất hiệu quả (46,8% - 48%), hiệu quả (49,7% - 52,6%), tương đối hiệu quả (0,6% - 2,3%). Chỉ đạo thực hiện quy trình chế biến thức ăn tại trường cho trẻ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và đủ khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ (0,6% - 52,6%). Chỉ đạo các bộ phận tăng cường bồi dưỡng nâng cao nhận thức về mục tiêu chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ (2,9% -

51,5%). Quản lý chặt chẽ các khoản thu chi liên quan đến ăn uống của trẻ, thực hiện tài chính công khai minh bạch, thanh toán tiền ăn thừa của trẻ với phụ huynh (0,6% – 52,6%). Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ vệ sinh, vệ sinh cá nhân cho trẻ, vệ sinh đồ dùng đồ chơi, vệ sinh môi trường (47,4% - 52,6%).

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV, NV về thực trạng mức độ hiệu quả của chỉ đạo thực hiện hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá				ĐTB
		Không hiệu quả	Tương đối hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả	
1	Chỉ đạo thực hiện chế độ sinh hoạt theo từng nhóm, nghiêm túc thực hiện chế độ sinh hoạt đề ra	0	0,6	53,2	46,2	3,46
2	Chỉ đạo GV kết hợp với gia đình thống nhất việc thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ	0	2,3	50,9	46,8	3,44
3	Chỉ đạo thực hiện chế độ DD theo yêu cầu độ tuổi và tình trạng sức khỏe của trẻ.	0	2,3	49,7	48	3,46
4	Chỉ đạo thực hiện tính khẩu phần ăn hàng ngày của trẻ đảm bảo đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết, hợp lý, cân đối.	0	0,6	52,6	46,8	3,46
5	Chỉ đạo xây dựng thực đơn hàng tuần phù hợp với từng mùa và chỉ đạo bộ phận cấp dưỡng thực hiện nghiêm túc thực đơn.	0	0,6	52,6	46,8	3,46
6	Chỉ đạo thực hiện quy trình chế biến thức ăn tại trường cho trẻ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và đủ khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ.	0	0,6	52,6	46,8	3,46
7	Chỉ đạo các bộ phận tăng cường bồi dưỡng nâng cao nhận thức về mục tiêu NDCS trẻ	0	2,9	51,5	45,6	3,43
8	Quản lý chặt chẽ các khoản thu chi liên quan đến ăn uống của trẻ, thực hiện tài chính công khai minh bạch, thanh toán tiền ăn thừa của trẻ với phụ huynh.	0	0,6	52,6	46,8	3,46
9	Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc thực hiện chế độ vệ sinh, vệ sinh cá nhân cho trẻ, vệ sinh đồ dùng đồ chơi, vệ sinh môi trường...	0	0	52,6	47,4	3,47
10	Chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh cho trẻ, phòng tránh các bệnh học đường.	0	2,9	50,9	46,2	3,43
11	Chỉ đạo việc thực hiện theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng	0	1,2	51,5	47,4	3,46
12	Chỉ đạo việc tuyên truyền kiến thức chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ cho các bậc phụ huynh, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì và phòng bệnh theo mùa.	0	3,5	49,7	46,8	3,43
13	Chỉ đạo chặt chẽ công tác đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ bằng nhiều biện pháp tích cực, phù hợp.	0	2,9	51,5	45,6	3,43
14	Chỉ đạo phối hợp các bộ phận trong và ngoài trường thực hiện chuyên đề với thời gian và kinh phí phù hợp	0	2,9	49,7	47,4	3,44

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình

Chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh cho trẻ, phòng tránh các bệnh học đường. Chỉ đạo việc thực hiện theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Chỉ đạo việc tuyên truyền kiến thức chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ cho các bậc phụ huynh, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì và phòng bệnh theo mùa. Chỉ đạo chặt chẽ công tác đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ bằng nhiều biện pháp tích cực, phù hợp. Chỉ đạo thực hiện các chuyên đề phù hợp thực tế. Chỉ đạo phối hợp các bộ phận trong và ngoài trường thực hiện chuyên đề với thời gian và kinh phí phù hợp. Những nội dung này đều được đánh giá ở 3 mức độ: Rất hiệu quả (45,6% - 47,4%), hiệu quả (49,7% - 52,6%), tương đối hiệu quả (1,2% - 2,9%).

Trong đó, nội dung “Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ vệ sinh cá nhân cho trẻ, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi và môi trường” được đánh giá cao nhất với ĐTB là 3,47. Điều này phản ánh nhận thức cao của các nhà trường về tầm quan trọng của vệ sinh là yếu tố then chốt đảm bảo sức khỏe và an toàn cho trẻ MN.

Ngược lại, các nội dung có ĐTB thấp nhất (3,43) gồm: tăng cường bồi dưỡng nhận thức cho cán bộ, phòng chống dịch bệnh học đường, tuyên truyền phối hợp chăm sóc trẻ đặc thù, đảm bảo an toàn và tổ chức chuyên

đề thực tiễn. Đây là những khía cạnh cần được các nhà trường chú trọng hơn trong công tác chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả toàn diện của hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

Nhìn chung, kết quả cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc ở các trường MN thành phố Hà Tĩnh đã được triển khai một cách bài bản, sát sao và đạt hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, để tăng cường tính toàn diện, cần tiếp tục nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo ở các khía cạnh liên quan đến sức khỏe đặc thù, truyền thông phối hợp và phòng chống dịch bệnh.

3.2.4. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV, NV về thực trạng hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện				ĐTB
		Không hiệu quả	Tương đối hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả	
1	Xây dựng ban chỉ đạo công tác kiểm tra hoạt động NDCS trẻ	0	0,6	54,4	45	3,44
2	Xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động NDCS trẻ	0	2,9	52,6	44,4	3,42
3	Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo kế hoạch tổ chức hoạt động NDCS trẻ của GV	0	2,9	52	45	3,42
4	Kiểm tra định kỳ, đột xuất không báo trước các bộ phận liên quan đến hoạt động NDCS	0	2,3	52,6	45	3,43
5	Phối hợp với các lực lượng liên quan trong quá trình kiểm tra hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng	0	2,3	52,6	45	3,43
6	Giám sát kiểm tra, rút kinh nghiệm hoạt động NDCS trẻ	0	2,3	50,9	46,8	3,44
7	Xử lý kết quả kiểm tra hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ	0	2,3	52	45,6	3,43

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình

Kết quả khảo sát tại bảng 4 cho thấy, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động ND, CS trẻ tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh được CBQL, GV, NV đánh giá ở mức “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả” chiếm tỷ lệ cao, dao động từ 52,0% đến 54,4% và từ 44,4% đến 46,8%. Trong khi đó, tỷ lệ đánh giá ở mức “Tương đối hiệu quả” dao động từ 0,6% đến 2,9%; không có nội dung nào bị đánh giá là “Không hiệu quả”. Điểm trung bình các nội dung khá tương đồng, dao động từ 3,42 đến 3,44.

Các trường MN đã thành lập ban chỉ đạo kiểm tra ND, CS trẻ, xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể, triển khai kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất theo đúng kế hoạch. Việc phối hợp với các lực lượng liên quan trong công tác kiểm tra cũng được triển khai tương đối tốt. Đặc biệt, sau kiểm tra, các trường đã có hoạt động rút kinh nghiệm và xử lý kết quả một cách khách quan, đảm bảo công bằng trong khen thưởng, xử lý vi phạm (ĐTB của các nội dung 6 và 7 lần lượt là 3,44 và 3,43).

Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn một số bất cập cần khắc phục. Cụ thể, một số đơn vị chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề riêng cho lĩnh vực ND, CS, kế hoạch kiểm tra còn lồng ghép trong các nội dung kiểm tra nội bộ, dẫn đến tính hình thức trong tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng liên quan đôi khi gặp khó khăn do bị phụ thuộc vào thời gian kiểm tra của từng đơn vị.

Những tồn tại này đặt ra yêu cầu cho đội ngũ CBQL cần có giải pháp điều chỉnh phù hợp, cụ thể hóa hơn các tiêu chí, nâng cao hiệu quả tổ chức kiểm tra chuyên đề về ND, CS; đồng thời tăng cường tính thực chất trong các hoạt động kiểm tra, giám sát để từ đó cải tiến chất lượng ND, CS trẻ một cách bền vững và toàn diện hơn.

4. KẾT LUẬN

Qua khảo sát thực trạng quản lý hoạt động ND, CS trẻ tại các trường MN Thành phố Hà Tĩnh, chúng ta nhận thấy hoạt động ND, CS trẻ trong thời gian qua đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, trẻ được chăm sóc tốt, đúng cách giúp giảm nhanh tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, béo phì ở các trường MN. Điều này chứng tỏ các cơ sở GDMN đã tạo được uy tín với xã hội, phụ huynh tin tưởng khi giao con em mình cho các cơ sở MN ND, CS. Tuy nhiên, nhận thức của một số GV về công tác này còn nhiều hạn chế, sự phối hợp trao đổi giữa gia đình và nhà trường chưa thực hiện thường xuyên và hiệu quả không cao, phần nào ảnh hưởng đến kết quả ND, CS trẻ. Các điều kiện cơ sở vật chất, vệ sinh, y tế dù đã được quan tâm nhưng còn nhiều khó khăn đặc biệt là các trường ngoại thị và các nhóm, lớp MN tư thực. NV cấp dưỡng không được đào tạo một cách bài bản, chế độ đãi ngộ quá thấp không đảm bảo đời sống, do đó họ không yên tâm với nghề và có sự thay đổi thường xuyên, đây cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng ND, CS trẻ.

Hoạt động xây dựng kế hoạch ND, CS trẻ được các nhà quản lý thực hiện thường xuyên, nhưng hiệu quả thực tế mang lại chưa cao nên cần phải có sự đầu tư, khắc phục các hạn chế để cải thiện chất lượng ND, CS trẻ. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động ND, CS trẻ có nhiều biến chuyển tích cực ở khâu ban hành, triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện, nhưng trong thời gian tới cần đa dạng, linh hoạt về hình thức, phương pháp tổ chức cho phù hợp với đối tượng cụ thể.

Có thể thấy rằng, công tác quản lý hoạt động ND, CS trẻ tại các trường MN trong những năm gần đây đã được coi trọng và thực hiện với nhiều biện pháp, một số biện pháp đã được đánh giá là thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay cần thiết phải có một hệ thống các biện pháp mang tính khả thi để vận dụng nâng cao chất lượng quản lý hoạt động ND, CS trẻ.

Kế thừa những thành tựu đã đạt được, trong phần đề ra các giải pháp quản lý hoạt động ND, CS trẻ trong trường MN thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh cần tập trung khắc phục những bất cập, hạn chế, khó khăn để đưa chất lượng ND, CS trẻ tại các trường MN thành phố Hà Tĩnh ngày một nâng cao, đáp ứng các điều kiện xây dựng con người ở thời kỳ Công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 ban hành Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 ban hành Điều lệ trường mầm non*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 ban hành Chương trình giáo dục mầm non*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phạm, M. H. (1986). *Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Trần, K. (2020). *Khoa học quản lý giáo dục: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Viện Dinh dưỡng. (2019). *Dinh dưỡng cho trẻ lứa tuổi mầm non*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

The current status of managing nurturing and care activities at preschools in Ha Tinh city, Ha Tinh province

Dau Minh Long¹, Ho Thi My Ly²

¹University of Education, Hue University

²Nguyen Du Private Kindergarten, Ha Tinh City, Ha Tinh Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 16 August 2023

Received in revised form: 22 September 2023

Accepted: 25 September 2023

Published: 20 December 2025

Keywords:

Nurturing activities;

Care;

Management;

Preschools.

Corresponding author:

Dau Minh Long

E-mail address:

dauminhlonghue@gmail.com

ABSTRACT

Child care and nurturing in preschools plays an important role in ensuring the comprehensive physical and mental development of preschool children. The study was conducted to assess the current status of child care and nurturing management in preschools in Ha Tinh city, Ha Tinh province. The main research method used was a questionnaire survey with a total of 171 participants, including 14 managers, 133 teachers and 24 staff at 05 preschools in the study area. The research results are an important practical basis for managers to re-evaluate their management activities and propose appropriate measures to improve and enhance the quality of child care and nurturing in preschools.